

## THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm hơn 6 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,324.63 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin và Bán lẻ dẫn đầu đà giảm; ở chiều ngược lại, ngành Hóa chất tăng mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Lực cầu bắt đáy đã xuất hiện ở ngưỡng 1,320 giúp cho VN-Index không giảm sâu hơn, tuy nhiên trên đồ thị ngày, đường MACD đã cắt xuống đường tín hiệu và thanh khoản ở cả hai phiên giảm điểm liên tiếp đều tương đối cao, vì vậy không thể loại bỏ khả năng chỉ số có thể tiếp tục nhịp điều chỉnh.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

## CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 19/03/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

## ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-6.34** điểm, đóng cửa tại **1324.63** điểm. HNX-Index **-1.75** điểm, đóng cửa tại **245.28** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+1.45)**, **VIC (+0.58)**, **LPB (+0.41)**, **IMP (+0.13)**, **PDN (+0.09)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-1.89)**, **MWG (-0.80)**, **VPB (-0.68)**, **CTG (-0.59)**, **HPG (-0.55)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,206** tỷ đồng, tăng **16.62%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,422 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.85 điểm. Thị trường có **139** mã tăng, **75** mã tham chiếu, **320** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1405.64** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-1070.89 tỷ)**, **MWG (-168.90 tỷ)**, **VPB (-157.71 tỷ)**, **SSI (-93.99 tỷ)**, **SAB (-59.11 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-76.94** tỷ đồng.

## DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.68%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - KBC (+1.19%)**
  - MSB (+0.83%)** [\(Link báo cáo\)](#)
  - HCM (+0.63%)**
- BSC50 **-0.35%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - GVR (+4.19%)**
  - NLG (+1.59%)**
  - LPB (+1.55%)**

### Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.68%	-0.35%	-0.48%	-0.79%
1 tuần	-0.86%	-1.38%	-0.73%	-1.06%
1 tháng	2.58%	2.58%	4.08%	3.27%
3 tháng	0.65%	4.89%	5.58%	4.83%

### Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,324.63	245.28	99.36
% 1D	-0.48%	-0.71%	-0.93%
GTGD (tỷ VND)	20,206	830	585
%1D	16.62%	-3.60%	-19.09%
GDNN (tỷ VND)	-1405.64	-76.94	-33.93

### Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	124.01	FPT	-1070.89
VIC	99.04	MWG	-168.90
HPG	82.72	VPB	-157.71
SHB	42.99	SSI	-93.99
GVR	40.18	SAB	-59.11

### Thị trường thế giới

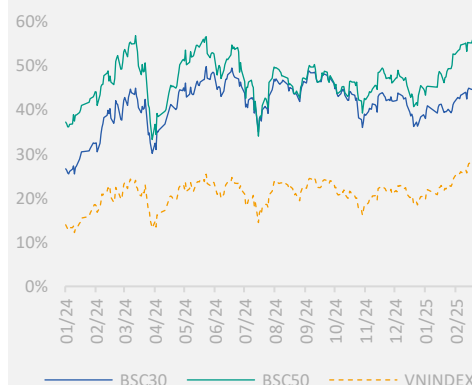
		%D	%W
SPX	5,615	-1.07%	0.76%
FTSE100	8,691	-0.17%	1.75%
Eurostoxx	5,501	0.31%	3.06%
Shanghai	3,426	-0.10%	1.62%
Nikkei	37,771	-0.20%	2.58%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
<b>Hàng hóa</b>		
Giá dầu Brent	70.15	-0.38%
Giá vàng	3,029	-0.38%
<b>Tỷ giá</b>		
USD/VND	25,730	0.08%
EUR/VND	28,707	-0.08%
JPY/VND	175	0.57%
<b>Lãi suất</b>		
LS TPCP 10Y	3.0%	0.01%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

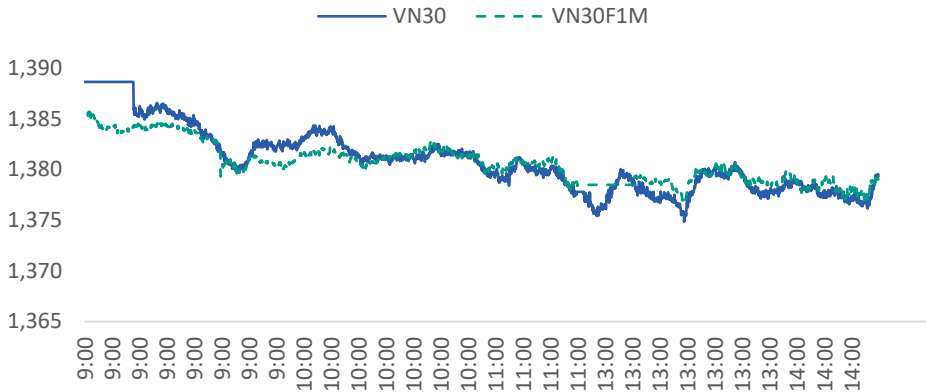
### Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

**THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI**
**VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday**


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1374.20	-0.56%	79	204%	9/18/2025	183
VN30F2504	1377.30	-0.57%	14,332	163%	4/17/2025	29
VN30F2503	1377.00	-0.76%	170,296	25%	3/20/2025	1
VN30F2506	1374.00	-0.83%	173	97%	6/19/2025	92

Nguồn: FiinproX, BSC Research

**Nhận định**

- VN30 -11.01 điểm, đóng cửa tại 1377.63 điểm. Biên độ dao động 13.81 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MWG, VPB, HPG, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ từ khi mở cửa. Chỉ số đóng cửa dưới tham chiếu với thanh khoản tăng mạnh và trên ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503, VN30F2506.

**Thị trường chứng quyền có bảo đảm**

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2508	2/5/2026	323	198,300	-74.90%	16.00	1,910	22.4%	13.66	31.28	124.60	124.60
CVIC2406	3/28/2025	9	565,600	-80.37%	4.69	1,100	22.2%	9.44	10.19	51.90	51.90
CVIC2503	6/30/2025	103	45,900	-71.56%	4.26	3,500	16.3%	15.90	14.76	51.90	51.90
CSHB2402	3/28/2025	9	605,200	-77.22%	1.13	760	15.2%	5.26	2.65	11.65	11.65
CSHB2403	6/30/2025	103	2,855,000	-77.57%	1.23	690	9.5%	5.22	2.61	11.65	11.65
CFPT2402	7/28/2025	131	36,700	-75.28%	13.41	4,380	9.5%	28.05	30.81	124.60	124.60
CVIC2501	5/26/2025	68	151,200	-66.86%	4.00	2,640	9.1%	9.59	17.20	51.90	51.90
CVIC2404	4/28/2025	40	309,600	-72.83%	4.30	2,450	8.9%	11.91	14.10	51.90	51.90
CVHM2406	7/28/2025	131	20,500	-80.57%	5.00	1,050	7.1%	10.61	9.20	47.35	47.35
CVHM2407	4/28/2025	40	429,600	-85.85%	4.90	450	7.1%	10.62	6.70	47.35	47.35
CVHM2501	5/26/2025	68	2,705,800	-76.03%	4.20	1,430	6.7%	8.64	11.35	47.35	47.35
CFPT2405	8/14/2025	148	3,800	-68.52%	13.41	2,600	6.1%	11.22	39.23	124.60	124.60
CVIC2405	7/28/2025	131	184,000	-69.75%	4.30	2,850	5.6%	11.92	15.70	51.90	51.90
CVIC2502	10/27/2025	222	237,200	-68.30%	4.50	2,390	5.3%	9.51	16.45	51.90	51.90
CVHM2502	10/27/2025	222	22,500	-72.12%	4.50	1,740	4.8%	8.60	13.20	47.35	47.35
CVRE2501	6/26/2025	99	69,100	-78.54%	1.80	720	4.3%	5.56	3.96	18.45	18.45
CVHM2408	11/4/2025	230	739,700	-66.38%	3.80	3,030	4.1%	10.92	15.92	47.35	47.35
CVIB2408	5/14/2025	56	1,100	-74.88%	1.95	800	3.9%	4.64	5.15	20.50	20.50
CVIC2407	6/30/2025	103	90,000	-77.55%	4.90	1,350	3.8%	9.41	11.65	51.90	51.90
CVIB2402	5/21/2025	63	1,443,800	-84.82%	2.05	620	3.3%	10.80	3.11	20.50	20.50

**Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất  
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

\*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 19/03/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2508 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 22.44%. CMBB2405 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.56%.
- CFPT2404, CVHM2503, CTCB2504, CVHM2408, CVIC2501 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVIB2503, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh  
[anhng@bsc.com.vn](mailto:anhng@bsc.com.vn)
**Top CP tác động tích cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	35.95	1.55%	1.50
VIC	51.90	1.17%	0.66
GVR	34.80	4.19%	0.22
SSB	19.80	0.51%	0.19
VIB	20.50	0.49%	0.18

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Top CP tác động tiêu cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	124.60	-4.15%	-4.64
MWG	59.50	-3.72%	-2.45
VPB	19.45	-1.77%	-1.42
HPG	27.25	-1.27%	-1.15
MSN	68.50	-1.58%	-0.81

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

#### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	34.80	4.19%	1.45	4.00
VIC	51.90	1.17%	0.58	3.82
LPB	35.95	1.55%	0.41	2.99
IMP	51.30	6.88%	0.13	0.15
PDN	140.80	6.99%	0.09	0.04

#### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	11.50	1.77%	0.15	1.17
MBS	30.60	0.66%	0.07	0.57
THD	39.10	0.51%	0.05	0.38
VIF	18.00	1.12%	0.05	0.35
VIT	19.70	7.07%	0.04	0.05

#### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PDN	140.80	6.99%	0.09	0.02
DTA	5.09	6.93%	0.00	0.13
IMP	51.30	6.88%	0.13	1.27
PMG	8.35	5.56%	0.01	0.00
VPS	9.42	4.67%	0.00	0.00

#### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QST	26.20	9.62%	0.03	0.00
VIG	6.90	9.52%	0.10	1.95
NHC	26.70	9.43%	0.03	0.00
HKT	7.00	9.38%	0.01	0.00
SMT	8.20	9.33%	0.01	0.04

#### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	124.60	-4.15%	-1.89	1.47
MWG	59.50	-3.72%	-0.80	1.46
VPB	19.45	-1.77%	-0.68	7.93
CTG	41.55	-1.07%	-0.59	5.37
HPG	27.25	-1.27%	-0.55	6.40

#### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	191.50	-2.40%	-0.59	0.20
KSF	70.00	-3.85%	-0.52	0.30
SCG	77.00	-5.17%	-0.22	0.09
PVS	32.70	-1.51%	-0.15	0.48
SHS	14.70	-1.34%	-0.10	0.81

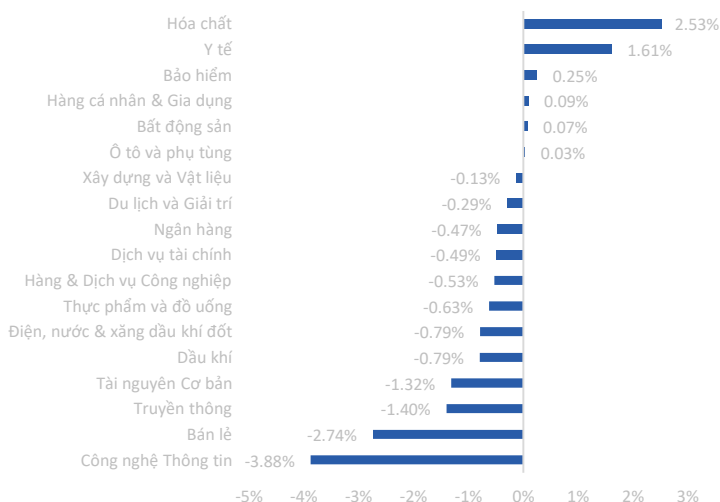
#### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTL	10.00	-6.98%	-0.01	0.00
FUCTVGF5	12.75	-6.93%	0.00	0.02
VAF	18.20	-6.91%	-0.01	0.00
L10	21.65	-6.88%	0.00	0.00
FUEIP100	9.12	-6.84%	0.00	0.00

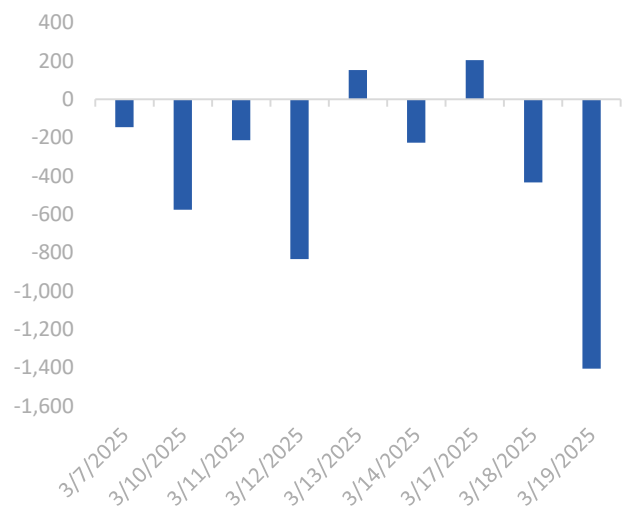
#### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGH	31.00	-9.88%	-0.13	0.00
DNC	64.10	-8.95%	-0.16	0.00
VC6	25.10	-8.73%	-0.07	0.00
VTJ	4.20	-8.70%	-0.01	0.00
CET	4.30	-8.51%	-0.01	0.03

Hình 1  
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2  
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

**DANH MỤC BSC30**

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	59.5	-3.7%	1.5	86,958	869.0	2,544	23.4		46.0%	
KBC	Bất động sản	29.8	1.2%	1.4	22,875	187.3	555	53.7		19.5%	
KDH	Bất động sản	32.6	0.0%	1.2	32,963	99.7	862	37.8		35.9%	
PDR	Bất động sản	20.6	0.2%	2.0	17,943	163.6	643	32.0	23,600	7.8%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	47.4	0.1%	1.1	194,486	632.2	7,286	6.5	58,200	12.5%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ Thông tin	124.6	-4.2%	1.0	183,295	2448.4	5,371	23.2	163,000	43.6%	<a href="#">Link</a>
BSR	Dầu khí	19.7	-1.0%	0.0	61,080	55.4	202	97.7		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.7	-1.5%	1.1	15,629	41.4	2,473	13.2	40,300	17.9%	<a href="#">Link</a>
HCM	Dịch vụ tài chính	32.0	0.6%	1.3	23,003	343.1	1,571	20.3		43.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.6	-0.9%	1.1	52,088	647.7	1,536	17.3		38.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	38.8	-0.9%	1.4	27,826	318.3	1,537	25.2		28.3%	
DCM	Hóa chất	34.2	0.6%	1.3	18,105	55.2	2,682	12.8	41,100	5.2%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	107.9	0.6%	1.3	40,978	290.1	7,864	13.7	111,400	16.2%	<a href="#">Link</a>
ACB	Ngân hàng	26.2	-0.4%	0.8	117,026	231.2	3,759	7.0		30.0%	
BID	Ngân hàng	39.8	-0.5%	0.8	279,450	126.9	3,571	11.1	47,000	16.7%	<a href="#">Link</a>
CTG	Ngân hàng	41.6	-1.1%	1.1	223,123	362.1	4,720	8.8		26.8%	
HDB	Ngân hàng	23.1	-0.9%	1.0	80,561	304.8	3,667	6.3		17.2%	
MBB	Ngân hàng	23.9	-0.2%	1.1	145,539	531.2	3,729	6.4	26,300	23.2%	<a href="#">Link</a>
MSB	Ngân hàng	12.1	0.8%	1.1	31,460	143.7	2,123	5.7	14,000	27.5%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	38.4	0.0%	1.1	72,392	474.4	5,351	7.2		22.0%	
TCB	Ngân hàng	27.3	-0.6%	1.2	192,517	1145.9	3,054	8.9	31,400	22.5%	<a href="#">Link</a>
TPB	Ngân hàng	16.1	-1.2%	1.0	42,403	294.0	2,299	7.0	-	28.0%	<a href="#">Link</a>
VCB	Ngân hàng	66.5	-0.5%	0.7	555,653	263.2	4,049	16.4		22.8%	
VIB	Ngân hàng	20.5	0.5%	1.0	61,072	207.0	2,424	8.5		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.5	-1.8%	1.1	154,315	711.9	1,989	9.8	25,500	24.9%	<a href="#">Link</a>
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.3	-1.3%	1.3	174,298	1060.0	1,879	14.5	37,500	21.3%	<a href="#">Link</a>
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.7	-3.3%	1.8	10,991	202.1	935	18.9	22,700	8.5%	<a href="#">Link</a>
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.6	0.5%	1.4	9,889	99.7	2,712	10.9	31,000	6.5%	<a href="#">Link</a>
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.5	-1.6%	1.3	98,527	1088.9	1,345	50.9		25.4%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.3	-0.3%	0.7	130,204	196.4	4,494	13.9		50.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

**DANH MỤC BSC50**

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.3	-2.00%	1.6	8,613	82.4	2,042	19.2	19.0%	15.9%	<a href="#">Link</a>
FRT	Bán lẻ	180.0	0.00%	0.5	24,524	59.2	2,331	77.2	33.2%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	53.4	0.19%	0.6	39,640	26.9	2,809	19.0	26.6%	9.5%	
DIG	Bất động sản	20.5	-1.92%	1.8	12,471	213.4	172	118.8	4.1%	1.4%	
DXG	Bất động sản	16.8	0.90%	1.8	14,587	265.4	350	47.9	21.0%	2.5%	<a href="#">Link</a>
HDC	Bất động sản	27.2	0.93%	1.4	4,842	163.2	377	72.0	2.9%	3.1%	
HDG	Bất động sản	27.8	-0.89%	1.2	9,333	60.8	1,714	16.2	19.6%	9.4%	
IDC	Bất động sản	54.2	-0.37%	1.1	17,886	73.4	6,050	9.0	21.1%	37.7%	
NLG	Bất động sản	35.2	1.59%	1.5	13,555	175.2	1,346	26.2	38.9%	5.4%	
SIP	Bất động sản	87.2	-2.13%	0.0	18,359	87.9	5,555	15.7	5.4%	29.5%	
SZC	Bất động sản	44.0	-0.68%	1.3	7,919	81.0	1,809	24.3	2.4%	12.5%	<a href="#">Link</a>
TCH	Bất động sản	17.4	-1.42%	1.6	11,627	112.7	1,466	11.9	8.8%	10.8%	<a href="#">Link</a>
VIC	Bất động sản	51.9	1.17%	1.3	198,448	534.4	3,026	17.2	9.2%	9.3%	
VRE	Bất động sản	18.5	0.00%	1.3	41,924	210.5	1,802	10.2	18.0%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	41.2	-1.32%	1.1	8,695	23.7	1,478	27.8	35.9%	11.4%	
PLX	Dầu khí	41.5	-0.48%	0.9	52,730	28.0	2,275	18.3	17.4%	11.1%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	23.2	-1.07%	1.2	12,896	57.4	1,252	18.5	9.1%	4.6%	<a href="#">Link</a>
FTS	Dịch vụ tài chính	50.4	1.51%	1.6	15,418	128.5	1,869	27.0	30.1%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.6	0.66%	1.6	17,527	107.3	1,583	19.3	6.8%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.8	-0.43%	0.5	161,176	48.7	4,439	15.5	1.7%	16.7%	<a href="#">Link</a>
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	0.00%	1.1	30,210	144.0	535	24.1	3.7%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.1	-1.68%	1.1	33,018	70.3	4,237	16.5	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	97.8	-0.61%	0.5	52,970	59.7	2,632	37.2	12.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.8	0.66%	2.0	19,595	92.8	1,910	11.9	7.7%	12.4%	<a href="#">Link</a>
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.3	-0.34%	0.8	24,917	96.1	4,629	12.8	42.0%	13.9%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.2	-0.92%	1.1	5,849	54.2	4,658	10.4	10.7%	21.9%	<a href="#">Link</a>
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.5	-0.20%	0.9	9,078	19.5	3,071	8.3	11.9%	15.1%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	146.9	-0.07%	0.0	17,890	45.7	3,144	46.7	6.6%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.2	0.00%	0.7	29,803	73.6	6,305	14.0	48.4%	20.1%	<a href="#">Link</a>
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	40.6	-0.25%	0.6	4,135	87.2	2,710	15.0	49.9%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.7	-2.69%	1.1	2,660	23.7	2,575	8.4	16.1%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.7	0.00%	1.3	13,971	59.3	1,518	23.5	9.0%	5.3%	<a href="#">Link</a>
GVR	Hóa chất	34.8	4.19%	1.5	139,200	293.6	1,053	33.0	0.6%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	19.9	-1.97%	0.8	37,068	590.1	1,786	11.1	3.9%	14.0%	<a href="#">Link</a>
LPB	Ngân hàng	36.0	1.55%	0.5	107,393	226.2	3,254	11.1	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	18.3	-1.62%	0.0	24,137	276.6	2,702	6.8	1.6%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.3	-0.44%	1.1	27,740	19.2	1,287	8.7	19.7%	10.5%	<a href="#">Link</a>
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.2	-3.50%	1.8	6,781	264.2	1,399	10.8	5.9%	8.0%	<a href="#">Link</a>
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.3	-1.15%	1.5	4,593	23.4	182	94.9	0.7%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.1	-0.90%	0.5	7,900	76.5	1,584	20.9	3.5%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.8	-0.59%	1.0	65,154	112.9	3,376	15.1	60.1%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	68.2	0.15%	1.1	15,308	30.8	5,496	12.4	25.4%	14.5%	<a href="#">Link</a>
BMP	Xây dựng và Vật liệu	119.5	-0.58%	1.0	9,782	16.7	12,103	9.9	82.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.2	1.20%	1.2	8,414	115.7	3,734	22.6	48.7%	4.4%	<a href="#">Link</a>
CTR	Xây dựng và Vật liệu	107.0	-2.73%	1.1	12,239	77.9	4,709	22.7	8.1%	28.0%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.5	-0.92%	1.8	3,052	18.1	3,545	13.7	6.6%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.6	0.40%	1.5	5,425	69.0	937	13.4	6.6%	4.8%	<a href="#">Link</a>
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.2	-0.22%	1.3	8,297	51.7	1,287	18.0	15.7%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.8	1.46%	1.4	12,451	200.3	1,579	13.2	6.0%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	51.5	0.19%	1.4	23,090	33.4	2,464	20.9	5.8%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.



**DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY**

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		<a href="#">Click</a>
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		<a href="#">Click</a>
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		<a href="#">Click</a>
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		<a href="#">Click</a>
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		<a href="#">Click</a>
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		<a href="#">Click</a>
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	<a href="#">Click</a>
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	<a href="#">Click</a>
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	<a href="#">Click</a>
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	<a href="#">Click</a>
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	<a href="#">Click</a>
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	<a href="#">Click</a>
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		<a href="#">Click</a>
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		<a href="#">Click</a>
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

### Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

#### Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

#### Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

#### Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

### Nhóm vĩ mô thị trường

#### Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

#### Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

#### Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

#### Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

#### Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (024) 3935 2722  
Fax: (024) 2220 0669

### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place  
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM  
Tel: (028) 3821 8885  
Fax: (028) 3821 8879

### Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(024) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(024) 39264 659

### Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn  
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>